

Số: 361/QĐ-HVCS&PT

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Kế hoạch chiến lược phát triển
Học viện Chính sách và Phát triển giai đoạn 2011 – 2015, tầm nhìn 2020

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Chính sách và Phát triển thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 584/QĐ-BKH ngày 12 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Biên bản cuộc họp cán bộ chủ chốt về việc thông qua Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển giai đoạn 2011 – 2015, tầm nhìn 2020;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển giai đoạn 2011 – 2015, tầm nhìn 2020, gồm các nội dung chính như sau:

- Sứ mạng, tầm nhìn và các giá trị cốt lõi.
- Chiến lược phát triển và giải pháp.
- Tổ chức thực hiện và giám sát.

(Kế hoạch chiến lược phát triển kèm theo).

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị căn cứ Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển giai đoạn 2011 – 2015, tầm nhìn 2020 để xây dựng kế hoạch phát triển của đơn vị.

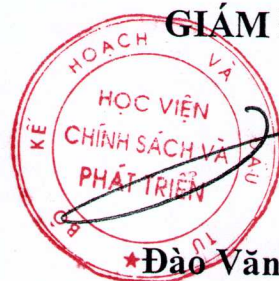
Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các đơn vị, cán bộ/giảng viên thuộc Học viện Chính sách và Phát triển có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC



★Đào Văn Hùng

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN
GIAI ĐOẠN 2011-2015, TẦM NHÌN 2020

Bản kế hoạch chiến lược này nhằm định hướng cho mọi hoạt động cũng như chính sách phát triển của Học viện Chính sách và phát triển giai đoạn 2011-2015; là công cụ quản lý hữu hiệu của học viện nhằm từng bước chuyển sang phương thức quản lý chiến lược; làm cơ sở hoạch định chính sách và lập kế hoạch xây dựng, phát triển học viện trong từng giai đoạn tiếp theo; đóng vai trò quan trọng như một văn bản có tính pháp quy của học viện.

Phần I

SỨ MẠNG, TẦM NHÌN VÀ CÁC GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1. Sứ mạng

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao bậc đại học và sau đại học về kinh tế và chính sách phát triển, có tư duy năng động, sáng tạo, đủ năng lực làm việc trong môi trường trong nước và quốc tế; nghiên cứu, bồi dưỡng, tư vấn và phản biện chính sách theo yêu cầu phát triển của ngành Kế hoạch và Đầu tư và của đất nước.

2. Tầm nhìn

Đến năm 2020, Học viện Chính sách và Phát triển sẽ trở thành một cơ sở đào tạo, nghiên cứu và tư vấn về chính sách kinh tế có uy tín ngang tầm với các cơ sở đào tạo đại học trong nước.

3. Giá trị cốt lõi

Minh bạch - Trí tuệ và phát triển.

Phần II

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VÀ GIẢI PHÁP

1. Mục tiêu chiến lược

1.1. Mục tiêu chung

Xây dựng Học viện Chính sách và phát triển trở thành trường đại học có uy tín hàng đầu trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và tư vấn chính sách kinh tế ở Việt Nam; xây dựng đội ngũ viên chức có chuyên môn cao, có năng lực nghiên cứu khoa học (NCKH); đảm bảo cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại phục vụ mọi hoạt động của học viện; các chương trình đào tạo bắt kịp trình độ giáo dục đại học trong khu vực và tiếp cận xu thế phát triển giáo dục đại học tiên tiến trên thế giới; có năng lực cạnh tranh cao và thích ứng hội nhập toàn cầu.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo cho người học được học tập kiến thức chuyên môn hiện đại; được ứng dụng khoa học - công nghệ cao; được rèn luyện kỹ năng và trau dồi phẩm chất đạo đức nghề nghiệp;
- Phát triển chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo chương trình của các trường đại học tiên tiến trên thế giới và đào tạo gắn với nhu cầu xã hội;
- Phát triển quy mô đào tạo một cách hợp lý; ổn định quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo đại học, tiến tới đào tạo cao học và nghiên cứu sinh. Tích cực sử dụng công nghệ thông tin - truyền thông và các công cụ dạy học hiện đại;
- Đẩy mạnh NCKH, hướng tới các nghiên cứu phục vụ đào tạo và phục vụ xã hội. Tăng cường nguồn thu từ các hoạt động khoa học;
- Tăng cường hợp tác quốc tế để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học;
- Thường xuyên rà soát và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo của học viện;

- Xây dựng đội ngũ viên chức đủ về số lượng và chất lượng, có phẩm chất đạo đức, có trình độ chuyên môn cao, phong cách giảng dạy và quản lý tiên tiến;
- Định vị thương hiệu học viện; xây dựng hệ thống nhận diện thống nhất về học viện;
- Thường xuyên quan tâm và nâng cao hiệu quả công tác chính trị tư tưởng trong đội ngũ viên chức và sinh viên;
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và nâng cao hiệu quả công tác quản lý hành chính của học viện.

2. Chiến lược phát triển đào tạo

2.1. Mục tiêu phát triển

Ổn định và nâng cao chất lượng đào tạo, thể hiện rõ giá trị của học viện, là mục tiêu chung trong chiến lược phát triển đào tạo của học viện xuyên suốt giai đoạn 2011-2015. Lập dự án triển khai các chương trình đào tạo cao học, đào tạo cử nhân chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

2.2. Giải pháp thực hiện

- Học viện duy trì ổn định và hoàn thiện các chương trình đào tạo bậc đại học đang thực hiện; Nghiên cứu triển khai chương trình đào tạo các chuyên ngành mới như: Quản trị doanh nghiệp, quản lý đấu thầu, đầu tư,... từng bước đa dạng hóa ngành đào tạo trong học viện.
- Triển khai các chương trình đào tạo chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Việt và tiếng Anh cho hệ cử nhân, hướng tới liên kết đào tạo quốc tế;
- Lập đề án mở mã ngành đào tạo cao học và nghiên cứu sinh;
- Giữ vững quy mô đào tạo đại học ở mức tuyển sinh đầu vào hàng năm khoảng 350 sinh viên. Tùy theo sự phát triển của học viện, có thể từng bước tăng quy mô đào tạo nhưng phải luôn đảm bảo chất lượng đào tạo;
- Định kỳ rà soát, đổi mới chương trình đào tạo, nội dung giảng dạy trên cơ sở ý kiến đóng góp của giảng viên, của sinh viên và của đại diện cựu sinh viên,

đặc biệt là các nhà tuyển dụng;

- Thường xuyên đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy, học tập. Đầu tư và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và NCKH, trong đó chú trọng việc sử dụng các trang thiết bị phục vụ, hệ thống thông tin-thư viện, phòng thực hành tin học của học viện;

- Nghiên cứu triển khai thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ cho các hệ đào tạo, đổi mới cách quản lý trong điều hành dạy và học;

- Tăng cường năng lực của đội ngũ viên chức thông qua các chương trình đào tạo, bồi dưỡng thích hợp, đảm bảo đội ngũ viên chức tiếp cận nhanh, thực hiện tốt yêu cầu đổi mới công tác phát triển đào tạo;

- Tích cực tìm kiếm các đối tác có thể mạnh về đào tạo đại học và sau đại học trên thế giới và khu vực để liên kết.

3. Chiến lược phát triển hoạt động khoa học

3.1. Mục tiêu phát triển

Đưa hoạt động NCKH thực sự trở thành một trong hai hoạt động chính của từng giảng viên, sinh viên và của học viện nói chung. Hình thành định hướng nghiên cứu đậm nét Học viện Chính sách và phát triển, trong đó đặc biệt chú trọng vào đối tượng nghiên cứu là các chính sách kinh tế - tài chính gắn với nhiệm vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời, thúc đẩy nghiên cứu hàn lâm để gia tăng lượng bài công bố trên tạp chí trong nước và quốc tế.

3.2. Giải pháp thực hiện

- Triển khai đề tài cấp học viện và công tác biên soạn giáo trình, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo. Tích cực tham gia đấu thầu, chủ trì đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành phố và đề tài cấp Nhà nước. Cụ thể: Mỗi năm tham gia đấu thầu, chủ trì 1-3 đề tài cấp Bộ, Tỉnh và Thành phố; triển khai mỗi năm 1-10 đề tài cấp Học viện; biên soạn 2 giáo trình, tài liệu học tập và 2 tài liệu tham khảo, chuyên khảo;

- Mỗi năm có 100 đề tài NCKH sinh viên tham dự các kỳ thi của học viện;
- Có 1-3 dự án hợp tác quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng và NCKH.
- Khuyến khích công bố bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín trong nước và quốc tế; phân đấu mỗi năm công bố 10 bài báo trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế;
- Tập trung tổ chức các hội thảo cấp quốc gia và quốc tế thông qua việc nhanh nhạy chọn chủ đề và đảm bảo tính chuyên nghiệp; mỗi năm tổ chức 1-2 hội thảo với quy mô lớn, có sự tham dự của các chuyên gia trong và ngoài nước về những vấn đề kinh tế cấp thiết và 5-7 hội thảo cấp khoa;
- Tăng cường kinh phí NCKH; phân đấu tỷ trọng kinh phí từ học viện cấp trực tiếp cho hoạt động khoa học từ 1-5% trên tổng kinh phí của học viện;
- Tiếp tục mở các lớp về phương pháp NCKH, phương pháp viết bài báo khoa học cho giảng viên và sinh viên; đẩy mạnh sinh hoạt khoa học tại các khoa, bộ môn.

4. Chiến lược phát triển Đào tạo, bồi dưỡng và tư vấn phát triển

4.1. Mục tiêu phát triển

Phát triển các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn, nâng cao năng lực quản lý, điều hành cho cán bộ thuộc ngành Kế hoạch và Đầu tư.

Cung cấp các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực theo nhu cầu thị trường, cơ chế tự thu, tự chi, tạo ra nguồn thu nhập, tăng cường tự chủ về tài chính, tạo điều kiện ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn cho cán bộ, giảng viên của học viện.

Tập trung phát triển các chương trình đào tạo kỹ năng mềm và các kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên, tạo cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi ra trường; các chương trình đào tạo hỗ trợ doanh nghiệp, tăng cường năng lực chuyên môn cho cán bộ các cơ quan quản lý Nhà nước và điều hành doanh nghiệp.

Hoạt động tư vấn hướng vào các lĩnh vực: quy hoạch phát triển, chiến lược phát triển, quản trị kinh doanh, xây dựng các đề án phát triển ngành, tư vấn tài chính, đầu tư... của các địa phương, doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân.

Phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và tư vấn.

4.2. Giải pháp thực hiện

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Trung tâm Bồi dưỡng và Tư vấn phát triển theo mô hình đơn vị dịch vụ hạch toán nội bộ, tự chủ về tài chính, có con dấu, tài khoản riêng, hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Thiết kế, xây dựng các sản phẩm dịch vụ đào tạo chất lượng cao theo nhu cầu thị trường: chương trình đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên; đào tạo cấp chứng chỉ về lập, thẩm định, quản trị dự án đầu tư; chứng chỉ quản lý tài chính công; chứng chỉ quản trị doanh nghiệp.

- Phát triển đội ngũ chuyên gia chủ chốt để cung cấp dịch vụ tư vấn chất

lượng cao. Xây dựng chương trình, nội dung hợp tác, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ KH&ĐT, các tổ chức, cơ quan, ban ngành, các doanh nghiệp và các địa phương để tổ chức các hoạt động đào tạo và tư vấn phát triển.

5. Chiến lược phát triển hợp tác quốc tế

5.1. Mục tiêu phát triển

Phát triển và mở rộng các hoạt động hợp tác quốc tế, tập trung vào liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học.

5.2. Giải pháp thực hiện

- Mở rộng quan hệ với các đối tác quốc tế trong liên kết đào tạo đại học; Quản lý chặt chẽ các chương trình dự án đang phối hợp thực hiện, đảm bảo đúng pháp luật; chỉ liên kết đào tạo với các đối tác quốc tế có uy tín và đã được kiểm định;
- Chuẩn hóa chương trình đào tạo để ngày càng nhiều các trường có uy tín trên thế giới công nhận chương trình đào tạo tại Học viện Chính sách và Phát triển; Nghiên cứu phát triển các chương trình đào tạo chất lượng cao bằng tiếng Việt và tiếng Anh cho các bậc đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án liên kết đào tạo;
- Mở rộng hoạt động trao đổi sinh viên với các đối tác quốc tế;
- Sử dụng hiệu quả các nguồn tài trợ từ các dự án như USAID, KOICA,... trong đào tạo và bồi dưỡng ngắn hạn nhằm nâng cao chất lượng cán bộ giảng viên;
- Phối hợp với các nhà khoa học đang giảng dạy tại các dự án quốc tế tại học viện tổ chức 1-2 hội thảo, báo cáo chuyên đề/năm;
- Phối hợp với các đối tác nước ngoài, tìm kiếm học bổng đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ cho các cán bộ, giảng viên của học viện. Khuyến khích cán bộ, giảng viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn và dài hạn tại các nước tiên tiến theo các chương trình học bổng của chính phủ nước ngoài hoặc của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Chiến lược đảm bảo và nâng cao chất lượng

6.1. Mục tiêu phát triển

- Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của học viện thông qua các hoạt động: tự đánh giá, KĐCL học viện và KĐCL chương trình đào tạo, triển khai thực hiện các kế hoạch hành động đảm bảo chất lượng;
- Tăng cường năng lực xây dựng và triển khai giám sát việc thực hiện các kế hoạch đảm bảo chất lượng ngắn hạn và trung hạn thông qua việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ đảm bảo chất lượng cấp học viện và khoa;
- Hoàn thiện và tăng cường sử dụng các công cụ hỗ trợ cho việc đánh giá các hoạt động đảm bảo chất lượng, thông qua các hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ người học, khảo sát ý kiến cựu sinh viên và nhà tuyển dụng.

6.2. Giải pháp thực hiện

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo giai đoạn 2011-2015 và các giải pháp đảm bảo chất lượng bên trong hàng năm;
- Hoàn thiện và tăng cường việc sử dụng các công cụ thu thập thông tin phản hồi phục vụ cho hệ thống đảm bảo chất lượng như: lấy ý kiến phản hồi từ người học, khảo sát ý kiến cựu sinh viên và nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo, kiến thức và kỹ năng cần trang bị cho sinh viên, việc làm và học lên các bậc cao hơn của sinh viên sau tốt nghiệp;
- Tăng cường năng lực xây dựng và triển khai giám sát việc thực hiện các kế hoạch đảm bảo chất lượng ngắn hạn và trung hạn thông qua việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ đảm bảo chất lượng cấp học viện và khoa;
- Đổi mới chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy; tăng cường năng lực đội ngũ giảng dạy, đẩy mạnh phát triển cơ sở vật chất và nguồn thông tin, tài nguyên thư viện nhằm đảm bảo việc đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo. Đồng thời, xây dựng chuẩn đầu ra và triển khai đào tạo đáp ứng

chuẩn đầu ra cho các chương trình đào tạo tại học viện.

- Nghiên cứu và triển khai thực hiện KĐCL chương trình đào tạo để có cơ sở đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của học viện, từ đó, có các giải pháp khắc phục và nâng cao chất lượng.

7. Chiến lược phát triển bộ máy tổ chức

7.1. Mục tiêu phát triển

Phát triển các phương thức và mô hình quản lý học viện hiệu quả, thích ứng với thị trường lao động và thị trường đào tạo nhân lực trình độ cao.

7.2. Giải pháp thực hiện

- Phát triển mô hình tổ chức của học viện thành mô hình đại học có các trung tâm đào tạo, viện đào tạo, viện nghiên cứu;
- Thực hiện phân cấp quản lý trong học viện và giữa các đơn vị thuộc học viện. Xác định rõ chức năng quản lý đối với từng đơn vị, các cấp quản lý trong học viện theo nguyên tắc phân cấp, tự chủ và tự chịu trách nhiệm; có chế độ báo cáo, giám sát, đánh giá và kiểm tra định kỳ;
- Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin quản lý; ứng dụng công nghệ số và truyền thông hiện đại trong hệ thống quản lý.

8. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

8.1. Mục tiêu phát triển

- Xây dựng đội ngũ viên chức đủ về số lượng và chất lượng, có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp; có trình độ chuyên môn cao, phương pháp giảng dạy tốt; có khả năng thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và NCKH phù hợp với xu hướng của đại học tiên tiến trên thế giới;
- Đảm bảo tỷ lệ giảng viên/sinh viên theo quy chuẩn. Đào tạo đội ngũ kế cận có đủ đức đủ tài, đảm bảo sự kế thừa và phát triển vững chắc để thực hiện tốt mục tiêu chiến lược phát triển của học viện;
- Phát triển đội ngũ viên chức cho các lĩnh vực hoạt động, phấn đấu đạt

trình độ khu vực và quốc tế.

8.2. Giải pháp thực hiện

- Đảm bảo tỷ lệ hợp lý về số lượng đội ngũ giữa khối giảng dạy và khối quản lý; bố trí, sắp xếp, bổ sung, cân đối nguồn nhân lực cho việc sử dụng đội ngũ viên chức một cách tối ưu nhất; bố trí công việc đúng với khả năng của từng người, tạo điều kiện để viên chức phát huy cao nhất sở trường của mình;

- Về cơ cấu trình độ đội ngũ giảng dạy: Đến cuối năm 2015, 95% giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên, trong đó trên 20% giảng viên có trình độ tiến sĩ; 100% giảng viên các chuyên ngành đào tạo đáp ứng yêu cầu chuẩn ngoại ngữ của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Thực hiện chính sách thu hút nhân tài. Ưu tiên tuyển dụng người có học vị tiến sĩ, thạc sĩ từ nhiều nguồn để bổ sung cho đội ngũ giảng dạy. Hoàn thiện quy trình tuyển dụng đội ngũ viên chức, tuyển dụng gắn liền với bồi dưỡng đội ngũ; xây dựng kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của giảng viên;

- Chuẩn hóa đội ngũ thỉnh giảng của học viện thông qua việc hoàn chỉnh dữ liệu quản lý, trao đổi nghiệp vụ và rà soát định kỳ;

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ của học viện qua các dự án hợp tác quốc tế, bằng nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước và các nguồn kinh phí khác; tích cực phát huy các nguồn tài trợ để tìm học bổng cử cán bộ giảng dạy trẻ đi học tập và nghiên cứu;

- Nâng cao năng lực điều hành quản lý, nâng cấp trình độ nghiệp vụ đội ngũ cán bộ quản lý (tin học, ngoại ngữ, quản lý...). Lập kế hoạch và tổ chức định kỳ cho viên chức quản lý tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ; làm việc có hiệu quả và thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở;

- Quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý các cấp, bảo đảm tính kế thừa, dân chủ và công khai.

9. Chiến lược phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật

9.1. Mục tiêu phát triển

- Phát triển cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật tiên tiến, hiện đại, phù hợp và đồng bộ với quy mô, đặc điểm đào tạo, NCKH, đảm bảo hiệu quả cao trong sử dụng, không lạc hậu về công nghệ;
- Quy hoạch, xây dựng thư viện học viện theo hướng tập trung, hiện đại;
- Đẩy mạnh việc tìm mặt bằng xây dựng học viện trong thời gian sớm nhất và khẩn trương thực hiện việc xây dựng cơ bản nhằm đảm bảo cơ sở, môi trường, điều kiện giảng dạy, NCKH, làm việc, học tập và nội trú khang trang, hiện đại.

9.2. Giải pháp thực hiện

- Duy trì ổn định hoạt động tại D25;
- Căn cứ vào quy mô đào tạo và yêu cầu đào tạo của các chuyên ngành vào mỗi giai đoạn, lập kế hoạch và xây dựng, trang bị đầy đủ các phòng, thiết bị phục vụ hoạt động của các chuyên ngành để đảm bảo nhu cầu thực hành của sinh viên, học viên, đáp ứng nhu cầu NCKH của giảng viên, sinh viên;
- Căn cứ vào diện tích sử dụng có được vào từng thời điểm cùng với quy mô đào tạo, quy mô về nhân sự, mô hình quản lý và nguồn lực tài chính của học viện để trang bị các hệ thống hạ tầng kỹ thuật thông tin liên lạc, các loại phương tiện, thiết bị phục vụ công tác quản lý điều hành theo xu hướng hiệu quả, hiện đại, tiện nghi;
- Tăng cường năng lực, nguồn lực cho các đơn vị chức năng có liên quan đến cơ sở vật chất - thiết bị dạy học để thực hiện các dự án hiện có; đồng thời tích cực tìm kiếm các dự án mới phục vụ cho việc xây dựng và phát triển học viện.

10. Chiến lược phát triển nguồn lực tài chính

10.1. Mục tiêu phát triển

Với quy mô tuyển sinh còn khiêm tốn và dự kiến ổn định trong năm những kế tiếp, nên nguồn thu từ học phí các hệ, bậc đào tạo của học viện chỉ đủ đảm bảo chi trả các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn; không đủ để chi trả thu nhập tăng thêm, cũng như trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để sửa chữa, nâng cấp và mở rộng cơ sở vật chất. Vì vậy, mục tiêu phát triển nguồn tài chính của học viện giai đoạn 2011-2015 là: (1) Đảm bảo kinh phí cần thiết cho việc thực hiện chiến lược phát triển của học viện; và (2) Đảm bảo ổn định thu nhập cho viên chức trong học viện.

Phấn đấu giai đoạn 2011 – 2015 tổng thu tài chính đạt 83.161.000.000 đồng; giai đoạn 2016 – 2020 đạt 208.533.000.000 đồng.

(Dự toán kèm theo).

10.2. Giải pháp thực hiện

- Đa dạng hóa các loại hình, trình độ đào tạo đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội; khai thác tốt các nguồn thu với mức tăng tối thiểu từ 10-15% hằng năm;
- Phát triển các loại hình dịch vụ khoa học, tư vấn để khai thác các nguồn thu từ hoạt động NCKH và các dịch vụ hỗ trợ cho đào tạo;
- Tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế để mời gọi sự hợp tác, giúp đỡ, viện trợ của các tổ chức, các trường đại học nước ngoài;
- Sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp để sửa chữa, cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất;
- Ổn định thu nhập viên chức; thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT

1. Tổ chức thực hiện kế hoạch chiến lược

- Tuyên truyền và phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức đối với toàn thể viên chức, sinh viên của học viện trong việc thực hiện kế hoạch chiến lược;
- Tổ chức bộ máy và phân công thực hiện cho các cá nhân, bộ phận, đơn vị chức năng (trách nhiệm, quyền hạn, nguồn lực..);
- Xây dựng và phê duyệt lộ trình cụ thể thực hiện kế hoạch chiến lược chung của toàn học viện và của từng đơn vị theo từng năm;
- Các biện pháp, cơ chế tổ chức và chỉ đạo thực hiện ở các cấp;
- Các biện pháp ứng phó với sự thay đổi, rủi ro có thể xảy ra trong tương lai.

2. Tổ chức giám sát quá trình thực hiện

- Đánh giá kết quả sự chuyển biến về chất lượng và hiệu quả đào tạo trong quá trình thực hiện là một vấn đề khó khăn và hết sức quan trọng để đảm bảo kế hoạch thực hiện đúng mục tiêu, đồng thời điều chỉnh được những sai lệch và hạn chế được rủi ro;
- Thực hiện nghiêm túc nội dung và phương pháp đánh giá, thực hiện đánh giá theo từng mục tiêu và đánh giá tổng thể học viện. Tổng hợp lại mức đạt được về các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo và đưa ra những đánh giá chung về hiện trạng đảm bảo chất lượng đào tạo của học viện, khuyến nghị ưu tiên đầu tư trọng điểm để nâng cao chất lượng và hiệu quả đạt được.

Trên đây là văn bản **Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện Chính sách và phát triển giai đoạn 2011-2015, tầm nhìn 2020**. Bản kế hoạch chiến lược này được xây dựng xuất phát từ những yêu cầu thực tiễn nhằm đáp ứng vai trò quan trọng của học viện trong việc đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao cho

ngành Kế hoạch và Đầu tư và cho xã hội.

Cùng với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế mở, đặc biệt trong xu thế hội nhập toàn cầu, Đảng ủy - Ban Giám đốc Học viện Chính sách và phát triển tin tưởng với sự đồng lòng, nhất trí cao của tất cả các thành viên trong học viện, sẽ cùng nhau nỗ lực phấn đấu, vượt qua những khó khăn để hoàn thành tốt các mục tiêu mà kế hoạch chiến lược học viện giai đoạn 2011-2015 đã đề ra.

Nội dung của từng mảng phát triển trong kế hoạch sẽ được cập nhật, sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình cụ thể. Hàng năm, học viện sẽ tổ chức sơ kết, đánh giá để kịp thời điều chỉnh nhằm xây dựng chương trình hành động năm tiếp theo cho phù hợp với chiến lược phát triển.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN
CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NGUỒN THU	NĂM					
		2011	2012	2013	2014	2015	2011 - 2015
I	SINH VIÊN/HỌC VIÊN (Người)						
	Đại học	585	900	1.250	1.415	1.600	
	Sau Đại học	0	0	0	0	50	
	Cán bộ	0	0	0	70	120	
II	NGUỒN THU						
	Thường xuyên	4.738	5.686	6.823	8.187	9.825	35.258
	Không thường xuyên			5.000	6.000	7.200	18.200
	Học phí						
	Đại học	2.340	3.600	5.000	5.660	10.880	27.480
	Sau Đại học	0	0	0	0	2.160	2.160
	Khác (dịch vụ, tài trợ ...)	0	0	0	21	42	63
	TỔNG THU	7.078	9.286	16.823	19.868	30.107	83.161

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN
CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM					
		2016	2017	2018	2019	2020	2016 - 2020
I	SINH VIÊN/HỌC VIÊN (NGƯỜI)						
	Đại học	1.800	1.900	1.950	2.400	3.050	
	Sau Đại học	170	250	300	350	500	
	Cán bộ	100	100	200	250	300	
II	NGUỒN THU						
	Thường xuyên	11.790	11.790	11.000	11.000	11.000	56.580
	Không thường xuyên	3.000	2.700	2.300	2.100	1.800	11.900
	Học phí						
	Đại học	13.464	14.212	14.586	17.952	22.814	83.028
	Sau Đại học	6.120	9.000	10.800	12.600	18.000	56.520
	Khác (dịch vụ, tài trợ ...)	30	40	100	125	210	505
	TỔNG THU	34.404	37.742	38.786	43.777	53.824	208.533